

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2023/DS-PT

Ngày: 06-9-2023

“V/v tranh chấp ranh giới đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Trọng Nhân.

2. Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 210/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2023 về việc “tranh chấp ranh giới đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 251/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1979.

1.2. Ông Huỳnh Quốc A, sinh năm 1978.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà Nguyễn Thị Cẩm B, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Số nhà 220, ấp Bình Đức, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Văn C – Văn phòng luật sư Trần Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Số 219, ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Huỳnh Thị Kim E, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 256, ấp Bình Đức, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Cẩm B và ông Huỳnh Quốc A.
(Bà B, bà E, Luật sư Cường có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/9/2022, đơn khởi kiện xin thay đổi đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất đề ngày 19/4/2023 của nguyên đơn Huỳnh Quốc Phong và Nguyễn Thị Cẩm Nương, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bà B là nguyên đơn đồng thời là người đại diện cho ông A trình bày: Bà với ông Huỳnh Quốc A là vợ chồng. Năm 2002, ông Huỳnh Tấn F là ông nội của ông A có tặng cho ông A nhiều thửa đất trong đó có thửa đất số 120, tờ bản đồ số 13, diện tích 3.954,3m², loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Thửa đất số 120 này đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 14/11/2011 cho ông A đứng tên. Đến ngày 10/8/2012 thửa đất 120 được chuyển mục đích sử dụng từ loại đất chuyên trồng lúa nước thành loại đất ở tại nông thôn và đến ngày 09/11/2012, thửa đất 120 được tách ra thành 02 thửa là 376 diện tích 770m² (ông A tặng cho bà Huỳnh Thị G) và phần còn lại là thửa 377 diện tích 3.184,3m².

Giáp ranh với thửa đất số 377 của ông A là thửa đất số 102 của ông Huỳnh Văn D. Trong quá trình sử dụng, ông D đã lấn sang thửa đất 377 của ông A qua đo đạc thực tế là 298,6m². Do đó, nay bà và ông A yêu cầu ông Huỳnh Văn D trả 298,6m² đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị Kim E là người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Huỳnh Văn Chiến trình bày: Ông Huỳnh Quốc A là cháu ruột của ông Huỳnh Văn D. Thửa đất 102 của ông D cũng được ông Huỳnh Tấn F (cha của ông D và là ông nội của ông A) tặng cho và ông D đã được Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/10/2010 với diện tích 2.547,1m², loại đất ONT. Ngày 05/9/2022 thửa đất 102 tách 130m² để tặng cho bà Huỳnh Thị Kim E (hình thành thửa mới là thửa 486) và tách 130m² để tặng cho ông Huỳnh Văn Trước (hình thành thửa mới là thửa 487) do đó thửa đất 102 hiện tại còn lại diện tích là 2.287,1m².

Đúng là thửa đất 102 của ông D giáp với thửa đất 377 của ông A. Tuy nhiên trong quá trình sử dụng, ông D không có lấn qua đất của ông A. Do đó, ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quốc A và bà Nguyễn Thị Cẩm B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn D trả 298,6m² (vị trí B), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Xác định phần đất diện tích 298,6m² (vị trí B), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An thuộc thửa đất số 102 của ông Huỳnh Văn D.

(Phần đất diện tích 298,6m² (vị trí B) nêu trên theo mảnh trích đo địa chính số 31-2023 do Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà đất Trung Nghĩa đo đạc ngày 01/3/2023 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y ký duyệt ngày 02/3/2023).

3. Về chi phí tố tụng: Huỳnh Quốc Phong và bà Nguyễn Thị Cẩm B phải liên đới chịu 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng), ông A và bà B đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Quốc A, bà Nguyễn Thị Cẩm B phải liên đới chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 đồng theo biên lai số 6273, ngày 03/11/2022 và 1.408.000 đồng theo biên lai số 3328, ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông Huỳnh Quốc A, bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền chênh lệch còn thừa là 3.408.000 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 31/5/2023, bà Nguyễn Thị Cẩm B và ông Huỳnh Quốc A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Thực tế phần đất tranh chấp ông, bà đã quản lý sử dụng từ trước đến nay và hiện nay vẫn đang quản lý sử dụng, việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất này cho ông D là không đúng thực tế sử dụng đất của ông D. Do đó, ông, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ kiện, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn rút đơn khởi kiện và rút yêu cầu kháng cáo nhưng bị đơn không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn và các đương sự tranh luận như sau:

- Luật sư Trần Văn C người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Phần đất đang tranh chấp chỉ là một phần của ao nên nguyên đơn có yêu cầu rút đơn khởi kiện để khởi kiện thành vụ khác nhưng bị đơn không đồng ý nên tiếp tục giải quyết. Xét thấy phần ao này nguyên đơn đã sử dụng từ trước đến nay bị đơn cũng thừa nhận như vậy, bên cạnh đó có một số người làm chứng ở gần đó đều xác nhận đất này do ông Huỳnh Tấn F cho ông A và phù hợp với quá trình sử dụng. Nguyên đơn cũng có đoạn hội thoại giữa các bên nhưng do chưa kịp chuẩn bị nên đề nghị tạm ngưng phiên tòa để nguyên đơn có thời gian cung cấp thêm chứng cứ là phần đất này ông Công đã cho ông A.

Từ những lời khai và những chứng cứ trong hồ sơ cho thấy khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm B và là người đại diện theo ủy quyền của ông A tranh luận: Khi san lấp đất ông D có nói sẽ chừa lại 06 mét đất cho ông A vì phần đất đó của ông A nhưng những người con của ông D không đồng ý và cho rằng đất của họ đứng tên nên họ lấp hết. Hiện người san lấp vẫn còn nhớ và nếu cần thiết thì người này cũng sẽ đồng ý làm chứng.

- Bà Huỳnh Thị Kim E người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tranh luận: Ông D không nói như bà B trình bày; 06 mét đất đó thuộc quyền sử dụng của bị đơn có được là dựa vào việc nhận tặng cho; đất của bị đơn từ xưa đến giờ nên bị đơn không đồng ý với phần tranh luận của nguyên đơn và cha của bị đơn cũng không có nói như nguyên đơn trình bày. Luật sư có yêu cầu tạm ngưng phiên tòa bị đơn không đồng ý yêu cầu Hội đồng tiếp tục xét xử. Ông Công cho bị đơn thừa đất 2114 bao gồm luôn cả đất ao nhưng bị đơn chưa sử dụng thì ông A phá ranh giữa hai thửa đất 2116 và 2114; đồng thời hỏi mượn bị đơn để sử dụng nuôi tôm, nuôi cá; đây là phần đất trống dùng để đậu xuống ghe đi từ con rạch vào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo bà B và ông A rút yêu cầu kháng cáo và rút đơn khởi kiện với lý do một phần đất tranh chấp có cái ao hiện nay nuôi tôm chưa được đề cập; phía bà B và ông A đã sử dụng từ năm 2005. Do ở cấp sơ thẩm không biết nhìn bản vẽ nên phần tranh chấp chỉ thể hiện một phần tư cái ao, một phần tư còn lại bên bà B, ông A đang sử dụng nhưng chưa xem xét giải quyết nên đề nghị Tòa án cho rút kháng cáo và rút đơn khởi kiện để về khởi kiện lại. Với yêu cầu này, đại diện bị đơn không đồng ý nên phiên tòa được tiếp tục xem xét giải quyết.

Khi đưa ra giải quyết lại vụ án, Tòa án đã cho trình chiếu phần đất tranh chấp bằng hình ảnh chụp được từ flycam nên đã phản ánh rõ về vị trí đất tranh chấp. Về hồ sơ giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm xét thấy chưa thu thập chứng cứ từ cơ quan quản lý đất đai nên Viện kiểm sát yêu cầu thu thập thêm và Tòa án đã có tiến hành ban hành công văn số 130 để yêu cầu cung cấp tài liệu.

Sau khi xem xét đối chiếu các chứng cứ và hình ảnh thu thập được, nhận thấy phần cái ao bên bà B và ông A đã sử dụng nhưng chưa xem xét giải quyết trọn vẹn cái ao, chưa xem xét đến công sức cải tạo mà bác toàn bộ yêu cầu của bà B và ông A là chưa có căn cứ vững chắc. Do đó, để xem xét giải quyết toàn diện vụ án cần thiết hủy bản án sơ thẩm đưa về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Cẩm B và ông Huỳnh Quốc A kháng cáo hợp lệ, thực hiện đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Phần đất tranh chấp thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An nên Toà án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu được rút toàn bộ đơn khởi kiện nhưng phía bị đơn không đồng ý nên căn cứ vào khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00084 QSDĐ/0905-LA ngày 09/11/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Huỳnh Tấn F đứng tên đối với các thửa đất số 726, diện tích 5.499m²; số 846, diện tích 4.786m²; số 847, diện tích 568m²; số 848, diện tích 1.957m²; số 2116, diện tích 4.022m²; số 2171, diện tích 4.141m²; số 2172, diện tích 4.365m², cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 878 được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y chứng thực ngày 05/11/2002 thể hiện ông Công tặng cho ông Huỳnh Quốc A diện tích đất 12.927m² gồm các thửa 2116, 2171, 2172, 2828 (tách ra từ thửa 848), tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 01734 QSDĐ/0905-LA ngày 21/11/2002 cho ông Huỳnh Quốc A diện tích đất 12.927m² gồm các thửa số 2116, diện tích 4.022m²; số 2171, diện tích 4.141m²; số 2172, diện tích 4.365m² và số 2828, diện tích 399m², tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã X, huyện Y. Kể đến ông A thực hiện cấp đổi giấy chứng nhận nên Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 853975 ngày 14/11/2011 cho ông A đứng tên thửa đất số 2116, diện tích 4.022m² thành thửa số 120, tờ bản đồ số 30, diện tích 3.954,3m², tọa lạc tại xã X, huyện Y. Ông A tiếp tục thực hiện thủ tục tách thửa đất số 120 nêu trên thành thửa 376, diện tích 770m² (đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị G) và thửa số 377, diện tích 3.184,3m².

[2.2] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00110 QSDĐ/0905-LA ngày 09/11/1996 do Ủy ban nhân dân huyện Y cấp cho ông Huỳnh Văn D đứng tên đối với các thửa đất số 2113, diện tích 2.587m²; số 2114, diện tích 2.810m²; số 2170, diện tích 2.126m², cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An. Ông D thực hiện việc cấp đổi giấy chứng nhận nên Ủy ban nhân dân huyện Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 856446 ngày 30/10/2010 cho ông D đứng tên thửa đất số 2114, diện tích 2.810m² thành thửa số 102, tờ bản đồ số 30, diện tích 2.571,1m², tọa lạc tại xã X, huyện Y.

[2.3] Theo Mảnh trích đo địa chính số 31-2023 do Công ty TNHH đo đạc nhà đất Trung Nghĩa thực hiện ngày 27/02/2023 được Chi nhánh Văn phòng đăng

ký đất đai tại huyện Y duyệt ngày 02/3/2023 (gọi tắt là Mảnh trích đo địa chính số 31-2023) thể hiện khu A diện tích 1.949,4m² thuộc một phần thửa 102, khu B diện tích 298,6m² thuộc một phần thửa 102, khu C diện tích 12,2m² thuộc một phần thửa 102, khu D diện tích 3.030,4m² thuộc thửa 377, cùng tờ bản đồ số 30, toạ lạc tại xã X, huyện Y.

[2.4] Tại phiên toà phúc thẩm, cả hai bên đương sự đều thống nhất với Mảnh trích đo địa chính số 31-2023 và thừa nhận rằng khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với các thửa đất nêu trên đều không tiến hành đo đạc thực tế mà chỉ căn cứ vào diện tích trên bản đồ do Nhà nước quản lý, điều này phù hợp với nội dung trả lời của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y tại Công văn số 892/CNVPĐKĐĐ ngày 31/8/2023. Do đó, Hội đồng xét xử không căn cứ vào diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên để làm căn cứ giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[2.5] Bà B thừa nhận rằng phần đất thuộc thửa 377 (thuộc quyền sử dụng của ông A) và thửa 102 (thuộc quyền sử dụng của ông D) đều có nguồn gốc từ ông Huỳnh Tấn F tặng cho; khi tặng cho là tặng cho nguyên thửa, không tiến hành đo thực tế. Năm 2018, ông D xây dựng hàng tại phần giáp ranh giữa thửa đất 377 và 102 nêu trên nhưng bên gia đình ông A, bà B không phản đối, trong khi theo hình ảnh trong clip được trình chiếu tại phiên toà thì bà B cũng thừa nhận hàng rào do ông D làm nằm trong phần đất thuộc thửa 102, không phải nằm bên phần đất thuộc thửa 377.

[2.6] Tại phiên toà phúc thẩm, ngoài bà B, bà E ra thì cả bà Huỳnh Thị G và ông Huỳnh Văn H (anh, chị em ruột với ông D) đều xác định phần đất tranh chấp cũng như thửa đất số 2114, 2116 có nguồn gốc từ ông Huỳnh Tấn F tặng cho ông D và ông A. Do đó, việc ông A, bà B sử dụng đất phải phù hợp với phần đất được tặng cho nên tại phiên toà Luật sư Trần Văn C và bà B cho rằng ông A có sử dụng đất thuộc thửa 2114 (ông Công tặng ông D) là thuộc quyền sử dụng đất của ông A là không đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, ông A, bà B không khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Công và ông D.

[2.7] Bà B, ông A yêu cầu ông D trả lại phần đất thuộc khu khu B diện tích 298,6m² của Mảnh trích đo địa chính số 31-2023 nhưng không có chứng cứ nào chứng minh ông D có hành vi lấn chiếm phần đất nêu trên mà chỉ dựa vào diện tích ghi trên Giấy chứng nhận (theo đơn khởi kiện) để so với diện tích đất thực tế bên ngoài rồi cho rằng việc thiếu đất là do ông D lấn chiếm là không có cơ sở.

Từ đó thấy rằng, kháng cáo của bà B, ông A là không có cơ sở; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà B, ông A phải chịu theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Nguyễn Thị Cẩm Nương và ông Huỳnh Quốc A.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 18-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 148, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Quốc A và bà Nguyễn Thị Cẩm B về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn D trả 298,6m² (vị trí B), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

[2] Xác định phần đất diện tích 298,6m² (vị trí B), tờ bản đồ số 30, tọa lạc tại ấp Bình An, xã X, huyện Y, tỉnh Long An thuộc thửa đất số 102 của ông Huỳnh Văn D.

(Phần đất diện tích 298,6m² (vị trí B) nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 31-2023 do Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà đất Trung Nghĩa đo đạc ngày 01/3/2023 và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện Y ký duyệt ngày 02/3/2023).

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Quốc A và bà Nguyễn Thị Cẩm B phải liên đới chịu 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) (đã nộp xong).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Huỳnh Quốc A, bà Nguyễn Thị Cẩm B phải liên đới chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.300.000 đồng theo biên lai số 6273, ngày 03/11/2022 và 1.408.000 đồng theo biên lai số 3328, ngày 24/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An. Hoàn trả cho ông Huỳnh Quốc A, bà Nguyễn Thị Cẩm B số tiền chênh lệch còn thừa là 3.408.000 đồng (ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Huỳnh Quốc A, bà Nguyễn Thị Cẩm B phải liên đới chịu 600.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng theo biên lai số 0003365, số 0003366 cùng ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh